

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập và việc xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2019, Ban Văn hóa- Xã hội HĐND Thành phố tổ chức giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập và việc xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay. Từ ngày 27/3/2019 đến ngày 24/4/2019, Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố đã tổ chức làm việc trực tiếp với Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các quận, huyện: Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Mê Linh, Ứng Hòa; khảo sát trực tiếp tại 11 trường học¹, giám sát qua báo cáo của các đơn vị: Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính và các quận, huyện, thị xã còn lại. Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập trên địa bàn Thành phố từ năm 2016 đến nay

Những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các quận, huyện, thị xã đã tập trung tham mưu, chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản để triển khai và tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng, kiên cố hóa trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố có 2.711 trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT với 65.818 phòng học, 57.837 nhóm lớp, 1.955.038 học sinh, bình quân 34 học sinh/lớp; trong đó, công lập có 2.183 trường với 43.214 nhóm lớp, 1.694.461 học sinh, bình quân 39 học sinh/lớp. Từ năm 2016 đến nay, toàn Thành phố đã xây mới được 194 trường và cải tạo 436 trường (cải tạo, sửa chữa và xây mới 11.211 phòng học). Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố hiện nay đạt 55,1% (1.493/2.711), trong đó trường công lập đạt 66,7% (1.457/2.183) (*phụ lục 01 kèm theo*).

Tổng chi ngân sách cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn toàn Thành phố từ năm 2016 đến nay là 76.477.170 triệu đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản là 27.813.044 triệu đồng, chi thường xuyên là 48.664.126 triệu

¹ Khảo sát tại các trường: Tiểu học Lê Ngọc Hân, Tiểu học Lương Yên, THCS Vinschool (quận Hai Bà Trưng); Mầm non Thanh Xuân Bắc, THCS Việt Nam - Angieri, THCS Thanh Xuân, THCS Phan Đình Giót (quận Thanh Xuân); Mầm non Chi Đông, Tiểu học Quang Minh B (huyện Mê Linh); THCS Liên Bạt, Tiểu học Tảo Dương Văn (huyện Ứng Hòa).

đồng; tổng chi ngân sách để cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 3.669.362 triệu đồng, trong đó cấp Thành phố là 740.455 triệu đồng, cấp quận, huyện là 2.929.907 triệu đồng (*phụ lục 02, 03 kèm theo*).

Đến nay, các trường học công lập trên địa bàn Thành phố cơ bản có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng chương trình dạy và học của các cấp học (số thiết bị tối thiểu đáp ứng nhu cầu để đổi mới giáo dục khoảng 75%); thiết bị dạy học được đưa vào sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt hoạt động dạy học trong các nhà trường; công tác tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học tại các trường được quan tâm (điển hình là cấp học mầm non), góp phần tạo ra các đồ dùng dạy học thiết thực, đáp ứng các yêu cầu của thực tế dạy và học; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 66,7%; có 1.704/2.183 trường công lập có công trình vệ sinh đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn quy định, đạt 78%; cơ bản đã hoàn thành mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học theo Đề án của Chính phủ.

2. Về đầu tư xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay

Từ năm 2016 đến hết tháng 3/2019, trên địa bàn Thành phố có 147 dự án nhà ở thương mại được quyết định chủ trương đầu tư với diện tích khoảng 14.196.567,6 m² đất, tổng vốn đầu tư khoảng 390.788,4 tỷ đồng; 13 dự án nhà ở xã hội với diện tích khoảng 526.645,7m² đất, tổng vốn đầu tư khoảng 36.041,7 tỷ đồng; 11 dự án nhà ở tái định cư với diện tích khoảng 219.169,2m² đất, tổng vốn đầu tư khoảng 19.523,2 tỷ đồng. Một số dự án đã đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng xã hội, trong đó có trường học đem đến tiện ích đầy đủ cho người dân.

Qua giám sát, Ban Văn hóa - Xã hội đã nhận được các báo cáo số 267/BC-KH&ĐT ngày 23/4/2019, số 2640/KH&ĐT-NNS ngày 20/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các báo cáo của UBND các quận, huyện, thị xã, tuy nhiên các báo cáo chưa cung cấp được số liệu cụ thể về tình hình đầu tư xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay.

II. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc

1. Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập trên địa bàn Thành phố

- Còn 07 đơn vị tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia chưa đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết²; một số trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia đã quá 5 năm, cơ sở vật chất xuống cấp nhưng chưa có kinh phí đầu tư dẫn đến việc công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia khó thực hiện; vẫn còn tồn tại phòng học nhờ, học tạm, phòng học cấp 4 xuống cấp ở một số huyện (nhất là cấp học mầm non); còn 22% số trường công lập có công trình vệ sinh chưa đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn quy định; số lớp/trường, số học sinh/lớp ở một số phường, một số quận còn

² Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI đề ra, đến năm 2020 tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt từ 60-70%. 07 đơn vị tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia chưa đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết: Hoàn Kiếm (59,5%), Hoàng Mai (57,4%), Đống Đa (57,1%), Mỹ Đức (53,8%), Ba Đình (51,9%), Phú Xuyên (45,5%), Ba Vì (41,6%).

cao dẫn đến diện tích đất/học sinh thấp, không đảm bảo tiêu chuẩn diện tích tối thiểu theo quy định.

- Ở một số huyện, thị xã do mới chuyển đổi mô hình trường mầm non bán công sang công lập nên khối mầm non có nhiều điểm trường lẻ dẫn đến việc quản lý, triển khai các hoạt động giáo dục gặp nhiều khó khăn; việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học chủ yếu trang cấp cho các điểm trường chính, còn các điểm trường lẻ chỉ đảm bảo các thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu; công tác xã hội hóa giáo dục ở các huyện ngoại thành còn hạn chế; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở khu vực ngoại thành nhiều nơi còn thiếu thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi (mầm non); giáo dục phổ thông còn thiếu phòng học bộ môn, phòng thực hành, thí nghiệm, nhà thể chất,...

- Việc quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học tại một số đơn vị chưa thực sự khoa học, hiệu quả sử dụng thiết bị chưa cao, có trường phòng học thí nghiệm hiệu suất sử dụng chưa nhiều.

- Ngân sách Thành phố chi cho giáo dục và đào tạo còn thấp so với Nghị quyết số 29-NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương, năm 2016 mới chỉ đạt 16,0%, năm 2017 đạt 17,1%, năm 2018 đạt 14,3% trong tổng chi ngân sách địa phương³.

- Mặc dù có chủ trương sau khi di dời các cơ sở sản xuất và trụ sở các Bộ, ngành Trung ương ra khỏi khu vực nội đô sẽ ưu tiên bố trí quỹ đất để xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, tuy nhiên sau khi di dời tại các địa điểm này lại xây dựng các khu đô thị, công trình thương mại, nhà ở dẫn tới khó khăn về quỹ đất để xây dựng trường học theo quy hoạch được duyệt.

2. Về đầu tư xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố

- Có nhiều dự án khu đô thị mới, khu nhà ở có quy hoạch đất xây dựng nhà trẻ, trường học phổ thông, nhưng việc đầu tư xây dựng chưa đảm bảo đồng bộ, chậm xây dựng công trình trường học, nhà trẻ so với tiến độ xây dựng nhà ở trong dự án⁴.

- Một số dự án đầu tư xây dựng trường học trong các khu đô thị mới, đặc biệt là khu vực các quận trung tâm đã được chủ đầu tư chuyển nhượng lại cho các

³ Nghị quyết số 29-NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đề ra giải pháp chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước.

⁴ Khu đô thị mới Phùng Khoang, Khu nhà ở Đài phát thanh phát sóng Mễ Trì, Khu đô thị Xuân Phương - Viglacera, Khu đô thị Thành phố giao lưu, Khu đô thị Đoàn ngoại giao, Khu đô thị mới Cổ Nhuế - Xuân Đình, Dự án khu nhà ở và công trình công cộng tại xã Cổ Nhuế, Khu nhà ở để bán Quang Minh - Vinaconex 2, Khu đô thị Lê Trọng Tấn-Geleximco, Khu đô thị mới Vân Canh, Khu nhà ở Vĩnh Hoàng, Khu chức năng đô thị Ao Sào, Khu đô thị mới Cầu Bươu, Khu nhà ở Thạch Bàn, Khu đô thị Đặng Xá, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp; Khu đô thị mới Việt Hưng...

nhà đầu tư thứ cấp, các nhà đầu tư thứ cấp này chậm triển khai nhưng các chủ dự án không đôn đốc kịp thời theo tiến độ⁵.

- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư chưa được thực hiện nghiêm túc; công tác kiểm tra, giám sát của các Sở, ngành và địa phương có nơi, có lúc chỉ đạo thực hiện chưa tập trung quyết liệt.

- Các sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã (có khu đô thị) chưa thường xuyên cập nhật số liệu, tình hình đầu tư xây dựng trường học trong các khu đô thị trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ quản lý được giao.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương

- Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội, hiện nay nguồn thu ngân sách của các quận nội thành khá lớn nên có điều kiện hỗ trợ và chia sẻ khó khăn với các huyện ngoại thành trong việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của huyện, do đó đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép *“HĐND thành phố Hà Nội quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện) về hỗ trợ các địa phương khác (trong nước và nước ngoài) để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an sinh xã hội, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xây dựng các công trình y tế, giáo dục và các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội; HĐND các cấp quyết định việc sử dụng ngân sách cấp mình để thực hiện hỗ trợ các địa phương khác theo quy định”*.

- Đề nghị các cơ quan Trung ương đã thực hiện di dời trụ sở bàn giao lại quỹ đất cho Thành phố Hà Nội quản lý, khai thác sử dụng để xây dựng hạ tầng xã hội, trong đó có trường học.

- Đối với các trường công lập có nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung với số lượng ít (từ 01- 02 loại, giá trị dưới 100 triệu đồng), đề nghị Trung ương cho phép thủ trưởng cơ quan đơn vị sử dụng tài sản có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhằm tăng tính chủ động cho đơn vị, đáp ứng

⁵*Khu đô thị Tây Nam hồ Linh Đàm* quy hoạch 06 ô đất xây dựng trường học, tuy nhiên đến nay mới chỉ có 01 công trình trường tiểu học hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng. Còn 05 ô đất quy hoạch xây dựng trường học: Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - Bộ Xây dựng (HUD) đã chuyển nhượng hạ tầng 02 ô đất (NT1 và TH1) cho nhà đầu tư thứ phát nhưng chưa xây dựng công trình; 02 ô đất (NT2, TH2) đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch; 01 ô đất (TH4) đang vướng mắc, chưa hoàn thành giải phóng mặt bằng ô đất; *Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp*: quy hoạch 06 lô đất xây dựng trường học, gồm: 03 lô đất xây dựng trường mầm non, 01 lô đất trường tiểu học, 01 lô đất trường THCS, 01 lô đất trường THPT, trong đó có 01 lô đất đã hoàn thành xây dựng trường mầm non, 01 lô đất đang thực hiện chuẩn bị đầu tư xây dựng trường tiểu học, lô đất xây dựng trường THPT vướng nghĩa trang thôn Văn Điển. HUD đang tiến hành thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở quy hoạch phân khu được duyệt, 02 lô đất trường mầm non và 01 lô đất trường trung học cơ sở: HUD đã chuyển nhượng hạ tầng cho các nhà đầu tư thứ phát để xây dựng công trình; tuy nhiên đến nay các nhà đầu tư chưa xây dựng; *Khu đô thị mới Việt Hưng*: Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị đã chuyển giao 05 lô đất trường học cho các nhà đầu tư cấp 2 nhưng đến nay, chỉ có 01 công trình trường học đã hoàn thành xây dựng.

kip thời nhu cầu sử dụng (*Vận dụng Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính*).

- Để tăng cường nguồn lực ngoài ngân sách, đề nghị Trung ương tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản, chính sách liên quan đến xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Đối với UBND Thành phố

- Quan tâm chỉ đạo, rà soát việc thực hiện các dự án xây dựng trường học trong các khu đô thị mới, các khu di dân tái định cư nhằm đảm bảo chỗ học cho học sinh các cấp; ưu tiên dành quỹ đất xây dựng trường học khi di chuyển các cơ quan, đơn vị thuộc diện phải di dời ra khỏi nội đô.

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan nghiên cứu, xem xét, có phương án giải quyết theo quy định để đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, mua sắm nhỏ lẻ, không để xảy ra tình trạng xuống cấp kéo dài ở các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố; hỗ trợ kinh phí để giải phóng mặt bằng, thu gom điểm lẻ đối với các trường mầm non, mở rộng đối với các trường còn thiếu diện tích; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; đầu tư kinh phí xây dựng trường THPT đạt chuẩn quốc gia (thuộc ngân sách Thành phố), đây là cấp có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia thấp.

- Thu hồi các dự án xây dựng trường học trong các khu đô thị đối với nhà đầu tư cố tình trì hoãn, chậm trễ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng và bàn giao cho UBND quận, huyện để thực hiện các phương án xây dựng trường mầm non, tiểu học, THCS công lập; cân đối hợp lý việc xây dựng trường công và trường tư thục tại các dự án khu đô thị, đặc biệt tại các quận đang thiếu trường, lớp học.

3. Đối với các sở, ngành Thành phố

3.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Rà soát quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, quy hoạch mạng lưới trường học; chủ trì phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, các dự án, đề án đầu tư phù hợp, đồng thời đề ra các giải pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực để phát triển hệ thống giáo dục các cấp và mạng lưới trường học của Thủ đô. Xác định cơ cấu hợp lý trong việc đầu tư xây dựng các trường công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu điều chỉnh quy mô mạng lưới trường lớp phù hợp với phát triển chất lượng giáo dục; tham mưu kế hoạch cụ thể đầu tư sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới phòng học, phòng chức năng; đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cho việc xây dựng, nâng cấp, cải tạo sửa chữa trường cho các khu vực nằm ngoài đô.

- Quan tâm thực hiện chính sách thu hút nhân tài là các nhà giáo và sinh viên tốt nghiệp các trường sư phạm có thành tích cao trong học tập về công tác trong ngành giáo dục các quận, huyện, thị xã.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Quan tâm chỉ đạo triển khai đề án chiếu sáng học đường, công trình nước sạch, công trình vệ sinh chưa đạt tiêu chuẩn trong trường học.

- Tăng cường đổi mới công tác tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa sắp tới.

3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tăng cường theo dõi, giám sát, đôn đốc tình hình, tiến độ thực hiện dự án đối với các chủ đầu tư, xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm đối với các đơn vị chủ đầu tư không thực hiện đúng nội dung văn bản chấp thuận đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát việc xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố, chỉ rõ số khu đô thị đã xây dựng trường học, số khu đô thị chưa xây dựng trường học; giải pháp xử lý đối với những khu đô thị đã đi vào hoạt động nhưng chưa bố trí xây dựng trường học, báo cáo bằng văn bản gửi về Thường trực HĐND Thành phố *trước ngày 20/6/2019*.

3.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo xác định tỷ lệ chi ngân sách hàng năm đảm bảo thực hiện quy hoạch, hoàn thiện cơ chế tài chính và chế độ quản lý tài chính cho giáo dục và đào tạo, khuyến khích các tổ chức, thành phần kinh tế đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp học.

- Tham mưu bố trí ngân sách chi cho giáo dục - đào tạo đảm bảo ở mức 20% theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

4. Đối với UBND các quận, huyện, thị xã

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, tổ chức đoàn thể và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển hệ thống giáo dục.

- Tập trung nguồn lực, giao đúng, đủ, kịp thời kinh phí cho các trường học (theo phân cấp quản lý) để nhà trường chủ động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện dạy và học tốt nhất; quan tâm bố trí kinh phí đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia và công nhận lại trường chuẩn quốc gia. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị trường học, xác định nhu cầu của từng trường, từng bậc học, cấp học. Rà soát bổ sung quy

hoạch, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Huy động các nguồn lực xã hội xây dựng các trường chất lượng cao. Tạo điều kiện cho các trường học ngoài công lập và các cơ sở giáo dục mầm non tự thực hoạt động và phát triển song song với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước nhằm giảm áp lực cho hệ thống trường công lập, đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân trên địa bàn.

- Đối với các quận, huyện có dự án xây dựng trường học trong các khu đô thị, khẩn trương rà soát, chỉ rõ số khu đô thị đã xây dựng trường học và đã đi vào hoạt động, số khu đô thị đã có quy hoạch xây dựng trường học nhưng chưa thực hiện (có số liệu cụ thể); đề xuất giải pháp xử lý đối với những dự án xây dựng trường học tại khu đô thị chậm triển khai.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập và việc xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay. Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo Thường trực HĐND Thành phố và đề nghị các cơ quan có liên quan nghiên cứu giải quyết các kiến nghị./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy;
- Đ/c Nguyễn Thị Bích Ngọc-Chủ tịch HĐND TP; (để
- Đ/c Phùng Thị Hồng Hà-PCT HĐND TP; b/c)
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Ngô Văn Quý-PCT UBND TP;
- Ủy ban MTTQ Thành phố;
- Ban Công tác ĐB Quốc hội;
- Thành viên Ban VH-XH;
- Các Sở: GD-ĐT; Tài chính; KH&ĐT;
- VP: HĐND, UBND TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, Ban VH-XH.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Bình



PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP SỐ LIỆU TRƯỜNG, LỚP HỌC SINH THEO QUẬN, HUYỆN

ĐẦU NĂM HỌC 2018-2019 (số liệu tính đến 30/9/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-VHXH ngày 06/6/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố)

Tiêu chí		THÔNG TIN TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH																			T.B THPT
		Mầm non				T.B Mầm non	Tiểu học				T.B Tiểu học	THCS				T.B THCS	THPT				
Quận, huyện		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs	
Thành phố	Tổng số	1129	411	22593	547524	24,23	736	494	18240	738978	40,51	624	409	11569	453026	39,2	222	68	5467	216736	39,64
	Công lập	776	394	11579	394292	34,05	693	487	16687	697054	41,77	600	407	10677	426737	40,0	114	61	4131	170936	41,38
Ba Đình	Tổng số	38	7	609	14462	23,75	20	9	539	23808	44,17	12	9	382	16579	43,4	7	3	179	7208	40,27
	Công lập	23	7	243	9414	38,74	17	9	442	20601	46,61	12	9	364	15769	43,3	3	3	126	5295	42,02
Bắc Từ Liêm	Tổng số	32	15	990	20912	21,12	15	14	578	24178	41,83	14	9	317	12674	40,0	10	3	233	8173	35,08
	Công lập	17	15	257	10567	41,12	14	13	442	20774	47,00	11	9	267	11452	42,9	3	2	109	4682	42,95
Cầu giấy	Tổng số	51	13	924	21963	23,77	20	10	641	29440	45,93	12	9	513	21787	42,5	10	6	277	9934	35,86
	Công lập	15	10	204	10448	51,22	12	8	429	23895	55,70	9	9	321	15452	48,1	3	3	132	5080	38,48
Đống Đa	Tổng số	49	16	783	20153	25,74	23	11	637	29151	45,76	18	11	426	16951	39,8	15	3	314	11907	37,92
	Công lập	29	14	312	12675	40,63	19	11	583	28209	48,39	17	11	414	16772	40,5	6	3	236	9821	41,61
Hà Đông	Tổng số	68	27	1587	36672	23,11	33	22	927	43131	46,53	22	16	507	20251	39,9	10	3	242	9693	40,05
	Công lập	42	24	558	20080	35,99	28	21	778	39247	50,45	19	16	481	19625	40,8	5	3	194	7714	39,76
Hai Bà Trưng	Tổng số	58	13	840	18113	21,56	22	12	717	28918	40,33	17	12	454	17071	37,6	9	2	228	8321	36,5
	Công lập	30	13	278	10300	37,05	19	12	503	23005	45,74	16	12	346	14100	40,8	3	2	127	5201	40,95
Hoàn Kiếm	Tổng số	26	10	300	7072	23,57	14	9	325	14156	43,56	7	3	230	10956	47,6	3		111	4808	43,32
	Công lập	20	10	208	5656	27,19	12	8	294	13010	44,25	7	3	230	10956	47,6	2		92	3951	42,95
Hoàng Mai	Tổng số	41	14	2865	35923	12,54	21	10	715	35605	49,80	16	9	395	17918	45,4	8	1	164	6538	39,87
	Công lập	22	12	323	13779	42,66	18	9	659	34213	51,92	15	9	376	17497	46,5	3	1	128	5438	42,48
Long Biên	Tổng số	65	29	1034	25285	24,45	26	22	763	32097	42,07	20	16	451	18303	40,6	9	3	191	7596	39,77
	Công lập	31	26	460	16535	35,95	26	22	677	29982	44,29	19	16	401	17068	42,6	4	3	134	5639	42,08
Nam Từ Liêm	Tổng số	53	10	1126	21692	19,26	21	10	784	29687	37,87	16	11	492	15963	32,4	14	3	228	8527	37,4
	Công lập	12	9	204	8680	42,55	13	9	390	18362	47,08	14	10	233	8289	35,6	3		79	3451	43,68

Tiêu chí		THÔNG TIN TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH																			T.B THPT
		Mầm non				T.B Mầm non	Tiểu học				T.B Tiểu học	THCS				T.B THCS	THPT				
Quận, huyện		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs	
Tây Hồ	Tổng số	30	9	457	10343	22,63	13	6	295	12972	43,97	10	7	192	7731	40,3	6	2	123	4305	35
	Công lập	9	9	149	6381	42,83	8	6	259	12355	47,70	8	6	174	7403	42,5	2	2	92	3393	36,88
Thanh Xuân	Tổng số	40	13	873	19740	22,61	13	9	460	24819	53,95	15	9	360	15396	42,8	9	1	149	5903	39,62
	Công lập	21	12	229	9822	42,89	12	9	404	23075	57,12	11	9	279	12876	46,2	2	1	68	2907	42,75
Ba Vì	Tổng số	43	7	693	19581	28,26	36	24	783	26487	33,83	35	12	489	17263	35,3	8	5	222	8809	39,68
	Công lập	42	7	654	18850	28,82	36	24	783	26487	33,83	35	12	489	17263	35,3	6	5	194	7790	40,15
Chương Mỹ	Tổng số	40	19	793	23124	29,16	38	26	768	33224	43,26	37	23	512	20117	39,3	8	2	232	9601	41,38
	Công lập	35	19	507	17986	35,48	38	26	768	33224	43,26	37	23	512	20117	39,3	4	2	180	7470	41,5
Đan Phượng	Tổng số	17	13	290	10096	34,81	19	19	432	15508	35,90	16	11	269	10586	39,4	4	2	115	4743	41,24
	Công lập	17	13	288	10072	34,97	19	19	432	15508	35,90	16	11	269	10586	39,4	3	2	108	4500	41,67
Đông Anh	Tổng số	57	16	996	28551	28,67	29	21	868	39326	45,31	26	15	593	24714	41,7	10	3	225	9224	41
	Công lập	36	16	669	22869	34,18	29	21	868	39326	45,31	25	15	578	24205	41,9	5	3	176	7478	42,49
Gia Lâm	Tổng số	33	14	681	18412	27,04	27	25	625	26518	42,43	23	20	402	16241	40,1	8	3	186	7697	41,38
	Công lập	26	14	391	14375	36,76	27	25	625	26518	42,43	23	20	402	16241	40,4	4	3	147	6101	41,5
Hoài Đức	Tổng số	41	11	775	20910	26,98	25	19	649	24097	37,13	22	19	379	14479	38,2	4	2	128	5242	40,95
	Công lập	30	11	474	16334	34,46	25	19	634	23720	37,41	22	19	376	14419	38,3	3	2	121	5038	41,64
Mê Linh	Tổng số	22	9	442	13640	30,86	30	22	575	22327	38,83	22	13	337	13241	39,3	7		172	6872	39,95
	Công lập	21	9	442	13640	30,86	30	22	575	22327	38,83	22	13	337	13241	39,3	6		168	6786	40,39
Mỹ Đức	Tổng số	26	8	464	13200	28,45	29	20	538	17123	31,83	23	12	308	10408	33,8	4	1	148	6112	41,3
	Công lập	26	8	463	13192	28,49	29	20	538	17123	31,83	23	12	308	10408	33,8	4	1	148	6112	41,3
Phú Xuyên	Tổng số	31	9	534	13419	25,13	29	12	564	17581	31,17	29	10	344	11717	34,1	5	1	165	6840	41,45
	Công lập	30	9	527	13223	25,09	29	12	564	17581	31,17	29	10	344	11717	34,1	4	1	151	6355	42,09
Phúc Thọ	Tổng số	26	11	438	11546	26,36	25	21	465	16628	35,76	24	17	298	11491	38,6	4	2	115	4817	41,89
	Công lập	25	11	416	11135	26,77	25	21	465	16628	35,76	24	17	298	11491	38,6	3	2	111	4672	42,09

Tiêu chí		THÔNG TIN TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH																			
		Mầm non				T.B Mầm non	Tiểu học				T.B Tiểu học	THCS				T.B THCS	THPT				
Quận, huyện		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs		Số trường	Số tr chuẩn	Số lớp	Số hs	
Quốc Oai	Tổng số	27	10	517	14559	28,16	25	19	579	19024	32,86	23	20	348	12489	35,9	6		140	5895	42,11
	Công lập	26	9	461	13446	29,17	25	19	572	18882	33,01	22	20	346	12450	36,0	4		133	5669	42,62
Sóc Sơn	Tổng số	41	21	688	22821	33,17	36	21	909	34880	38,37	27	17	538	21499	40,0	11	5	245	10353	42,26
	Công lập	36	21	505	20059	39,72	36	21	909	34880	38,37	27	17	538	21499	40,0	6	5	195	8170	41,9
Sơn Tây	Tổng số	17	8	300	9570	31,90	15	12	342	14263	41,70	15	11	228	9430	41,4	4	1	116	4410	38,02
	Công lập	16	7	223	7932	35,57	15	12	342	14263	41,70	15	11	228	9430	41,4	3	1	113	4359	38,58
Thạch Thất	Tổng số	33	11	510	14476	28,38	27	19	603	20710	34,34	24	16	389	15105	38,8	7	1	209	8282	39,63
	Công lập	26	11	426	12781	30,00	27	19	603	20710	34,34	24	16	389	15105	38,8	4	1	142	6053	42,63
Thanh Oai	Tổng số	25	16	486	14484	29,80	24	17	491	18166	37,00	22	14	309	11329	36,7	5	2	124	5260	42,42
	Công lập	24	16	404	13002	32,18	24	17	481	17995	37,41	21	14	302	11195	37,1	3	2	108	4539	42,03
Thanh Trì	Tổng số	40	24	504	17212	34,15	22	14	558	25919	46,45	17	14	406	16100	39,7	5	1	155	6147	39,66
	Công lập	30	24	385	14544	37,78	22	14	558	25919	46,45	17	14	374	14874	39,8	3	1	103	4376	42,49
Thường Tín	Tổng số	29	14	688	17276	25,11	29	20	609	23562	38,69	30	23	386	15024	38,9	6	5	176	7384	41,95
	Công lập	29	14	513	14198	27,68	29	20	609	23562	38,69	30	23	386	15024	38,9	5	5	166	6907	41,61
Ứng Hòa	Tổng số	30	14	406	12317	30,34	30	19	501	15673	31,28	30	21	315	10213	32,4	6	2	155	6135	39,58
	Công lập	30	14	406	12317	30,34	30	19	501	15673	31,28	30	21	315	10213	32,4	5	2	150	5989	39,93

Ghi chú: Nguồn tổng hợp từ báo cáo số 1731/BC-SGD ngày 08/5/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội



TỔNG HỢP CHI LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NĂM 2016-2017-2018- 2019

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-VHXXH, ngày 06 / 6 /2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố)

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019 (dự toán)	
		Đầu tư	Thường xuyên (1)	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên
	Tổng 2 cấp	27.813.044	48.664.126	4.612.275	10.401.183	6.005.761	12.182.584	8.273.533	12.994.617	8.921.476	13.085.742
1	Cấp Thành phố	1.542.072	6.508.861	433.268	1.589.515	312.912	1.490.877	204.892	1.687.517	591.000	1.740.952
2	Cấp Quận huyện	26.270.972	42.155.265	4.179.007	8.811.668	5.692.849	10.691.707	8.068.641	11.307.100	8.330.476	11.344.790

Ghi chú: (1) đã bao gồm kinh phí cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị dạy học: 3.669.362 triệu đồng

Nguồn tổng hợp từ báo cáo số 1941/BC-STC ngày 26/3/2019 của sở Tài chính



PHỤ LỤC 3: KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐỂ CẢI TẠO, SỬA CHỮA, MUA SẮM THIẾT BỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NĂM 2016-2017-2018- 2019

(Kèm theo Báo cáo số 20 /BC-VHXXH, ngày 06 / 6 /2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố)

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	Tổng 2 cấp	3.669.362	767.893	722.653	1.362.307	816.509
1	Cấp Thành phố	740.455	227.861	111.100	198.246	203.248
2	Cấp Quận, huyện	2.928.907	540.032	611.553	1.164.061	613.261

Nguồn tổng hợp từ báo cáo số 1941/BC-STC ngày 26/3/2019 của Sở Tài chính